TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GC
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 193/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26-7-2023
V/v "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trương;

2. Ông Võ Thanh Phong;

- Thư ký phiên tòa: Bà D Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC tham gia phiên toà: ông Phan NG Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 94/2023/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 5 năm 2023, về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 110/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị CH, sinh năm: 1987; (Xin vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn BT, xã TV, huyện PN, tỉnh Quảng Nam.
Tạm trú: 102/81A LVT, phường MM, Quận GV, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn D, sinh năm: 1983; (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp B, xã BX, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:*

Chị và anh D kết hôn trên tinh thần tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã BX cấp giấy chứng nhận kết hôn số 127/2014 vào ngày 22/7/2014. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm về cách sống, cách sinh hoạt và cách nuôi dạy con nên tình cảm của cả hai dần xa cách. Anh chị đã ly thân hơn 01 năm. Trong thời gian ly thân

chị cũng có tìm cách hàn gắn gia đình và nhìn nhận lại mọi việc nhưng cũng không thay đổi được gì. Nay tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh D.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Trần Bảo NG, sinh ngày 17/11/2014. Hiện tại cháu NG đang sống cùng chị, chị yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì mặc dù Toà án đã tống đạt hợp lệ.*

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến*:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị CH.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Trần Văn D có địa chỉ tại xã BX, thị xã GC nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị CH xin ly hôn với anh D, yêu cầu nuôi con chung, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28; của Bộ luật Tố tụng dân sự nên quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

[3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ. Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị CH và anh D kết hôn trên tinh thần tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã BX cấp giấy chứng nhận kết hôn số 127/2014 vào ngày 22/7/2014 nên hôn nhân của anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Chị CH cho rằng trong thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về cách sống, cách sinh hoạt và cách nuôi dạy con nên tình cảm của cả hai dần xa cách. Anh, chị đã ly thân từ năm 2022 đến nay. Trong thời gian ly

thân chị cũng có tìm cách hàn gắn gia đình và nhìn nhận lại mọi việc nhưng cũng không thay đổi được gì. Nay tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh D.

Trong quá trình giải quyết, anh D đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án nhưng anh D không có ý kiến gì và vắng mặt trong các buổi hòa giải. Cho thấy anh D không còn tha thiết hàn gắn cuộc hôn nhân này.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị CH và anh D đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã có thời gian ly thân với nhau nhưng chị CH và anh D đến nay vẫn không thể hàn gắn được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị CH là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị CH với anh D.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Trần Bảo NG, sinh ngày 17/11/2014. Khi ly hôn chị CH yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện tại cháu NG đang sống cùng với chị CH và cháu có nguyện vọng được sống cùng với mẹ; trong quá trình giải quyết vụ án anh D cũng không có thể hiện ý kiến hay yêu cầu gì về con chung nên Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Trần Bảo NG cho chị Phạm Thị CH tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con: không có yêu cầu nên không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp cần thiết thì chị CH và anh D được thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi cho con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5]. Về án phí: Chị CH phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị CH.

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị CH được ly hôn với anh Trần Văn D.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị CH được trực tiếp nuôi dưỡng 01 người con chung tên Trần Bảo NG, sinh ngày 17/11/2014; anh Trần Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Phạm Thị CH không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị CH phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0027397 ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GC, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị CH đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh Trần Văn D không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh TG;
- VKSND TXGC;
- C.C THADS TXGC;
- Các đương sự;
- UBND xã BX, TXGC
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Thảo